

Số: 495/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 259-KL/TU ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị ngày 25 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 02/TTr-SKHĐT ngày 09 tháng 01 năm 2025, Văn bản số 202/SKHĐT-THQH ngày 24 ngày 01 năm 2025 và kết luận phiên họp UBND tỉnh ngày 12/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của thông tin, số liệu nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh); xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

b) Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thống nhất từ nhận thức đến hành động trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

c) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Căn cứ lộ trình, tiến độ đề ra để đánh giá kết quả theo từng giai đoạn và chức rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; làm cơ sở để xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển theo Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính phù hợp, tính tuân thủ, tính kế thừa các Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng, Kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành và các địa phương.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

c) Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư công để đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; “lấy đầu tư công làm vốn môi, dẫn dắt, kích hoạt đầu tư ngoài xã hội” để tạo đột phá trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nhằm phát triển kinh tế

xã hội trên địa bàn tỉnh.

d) Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa các dự án đầu tư trong từng giai đoạn vào sử dụng, đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Nâng cao hiệu quả đầu tư công, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công

a) Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có sức lan tỏa lớn, có khả năng kết nối liên vùng, liên tỉnh, tạo động lực cho tăng trưởng, đặc biệt là lĩnh vực hạ tầng giao thông, đô thị gắn với phát triển các ***hành lang kinh tế*** (*hành lang kinh tế động lực phía Đông Nam, hành lang phát triển du lịch - đô thị nghỉ dưỡng phía Bắc và hành lang phát triển ven sông phía Tây*) ; ***các vùng công nghiệp đô thị và trục động lực phát triển Bắc Nam*** (*trục liên kết Tam Đảo - Vĩnh Yên - Yên Lạc tới Hà Nội*); ***Ba cực tăng trưởng chính*** (*Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bình Xuyên*) đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

b) Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội, thủy lợi, đê điều, cấp thoát nước, phòng chống thiên tai nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Đảm bảo cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả giữa các lĩnh vực, địa phương, vừa đảm bảo an sinh xã hội vừa thúc đẩy khả năng phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện: Theo Phụ lục II kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Tập trung thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực gồm: hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; logistics; công nghiệp cơ khí, chế tạo ô tô, xe máy, điện tử, vật liệu mới,... ứng dụng công nghệ cao; sản xuất, chế biến nông lâm sản ứng dụng công nghệ cao; Thương mại, dịch vụ, du lịch; giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; cấp nước sạch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường; khoa học công nghệ, thông tin truyền thông... và thu hút các dự án khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh.

b) Thu hút đầu tư gia tăng mật độ, quy mô, năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các vùng động lực của tỉnh.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, phân kỳ thực hiện: Theo Phụ lục II kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2025 và 2026-2030 bảo đảm phù hợp với Quy hoạch sử

dụng đất quốc gia, chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao; Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch tỉnh; luật Quy hoạch, luật Đất đai và pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm và bền vững đất đai với tầm nhìn dài hạn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường,... nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt theo đúng định hướng của Quy hoạch tỉnh.

c) Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất tại địa phương trong từng thời kỳ cụ thể cho phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất an ninh, quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Nguồn lực thực hiện Quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng bình quân GRDP từ 10,5-11,0%/năm trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030, tỉnh Vĩnh Phúc dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 886,0 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021-2025 là khoảng 319,0 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026-2030 là khoảng 567,0 nghìn tỷ đồng. Cụ thể:

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2021-2030
1	Vốn khu vực Nhà nước	47,0	50,0	97,0
2	Vốn khu vực tư nhân	47,0	77,0	124,0
3	Vốn của dân cư	82,6	143,0	225,6
4	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	142,4	297,0	439,4
	Tổng	319,0	567,0	886,0

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

a) Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc để có cơ sở đầu tư xây dựng Vĩnh Phúc đạt tiêu chí đô thị loại I; đảm bảo mục tiêu đến năm 2030 Vĩnh Phúc cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại I, làm tiền đề để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương những năm tiếp theo.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

a) Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng xây dựng, hoàn thiện thể chế của vùng, xác định

những đề án trọng tâm, trọng điểm có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển vùng, phát triển ngành.

b) Nghiên cứu, triển khai, xây dựng các đề án, cơ chế, chính sách quan trọng khuyến khích phát triển các ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, của địa phương gắn với liên kết vùng, đảm bảo phù hợp với lộ trình và thực tiễn phát triển của địa phương.

c) Ban hành kịp thời đồng bộ và thực hiện có hiệu quả các chính sách về phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội,... gắn với tiến bộ, công bằng xã hội và phù hợp với định hướng phát triển trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(Danh mục các đề án, cơ chế chính sách tại phụ lục I kèm theo)

3. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nhất là trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh; Tăng cường, đổi mới công tác xúc tiến đầu tư; Tiếp tục hoàn thiện tổ chức và phương thức hoạt động của cơ quan đầu mối xúc tiến đầu tư của tỉnh.

b) Đổi mới, đa dạng các hình thức thu hút đầu tư, triển khai các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính mạnh, có năng lực, kinh nghiệm, có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, có hệ thống quản lý hiện đại, các tập đoàn đa quốc gia (TNCs) hàng đầu thế giới, các doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế phát triển; Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư các dự án lớn, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng ít đất nhưng vốn đầu tư lớn như các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, công nghiệp hỗ trợ, ô tô, xe máy, bán dẫn,... các dự án chế biến nông, lâm sản; sản xuất dược phẩm, vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hợp tác công tư và các hình thức khác;

c) Tập trung phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tất cả các ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc cung cấp các dịch vụ phát triển kinh doanh; xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; kết nối doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, giữa người dân với doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế.

4. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trọng tâm, trọng điểm, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Xây dựng và phát

triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ công chức quản lý hành chính chuyên nghiệp;

b) Đầu tư hiện đại hóa các cơ sở giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt bậc học cao đẳng, đào tạo nghề; Thường xuyên cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học mới, chuẩn hóa chương trình học bám sát nhu cầu của thị trường lao động và nhu cầu xã hội. Khuyến khích khu vực ngoài công lập đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hình thành mạng lưới đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn, logistics; điện, điện tử và cơ khí...

c) Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp sử dụng lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu. Khuyến khích lao động tham gia học nghề; kết nối thông tin thị trường lao động, hệ thống dữ liệu liên thông với các địa phương trong vùng và cả nước; phát triển sàn giao dịch việc làm trực tuyến. Gắn phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế số, xã hội số và kinh tế tuần hoàn.

5. Phát triển văn hóa, giáo dục, bảo đảm an sinh xã hội

a) Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh, di tích thuộc danh mục kiểm kê; di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; di sản tư liệu và không gian văn hóa liên quan.

b) Phát triển mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và nhu cầu nhân lực của tỉnh. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở giáo dục tư thục, hệ thống trường trọng điểm chất lượng cao làm nòng cốt để nâng cao chất lượng mũi nhọn và hợp tác quốc tế. Phát triển Vĩnh Phúc thành trung tâm giáo dục trải nghiệm phục vụ học sinh của Tỉnh, vùng lân cận.

c) củng cố và mở rộng quy mô các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập; trong đó ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập (bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa) chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại. Đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế.

d) Thực hiện tốt các chế độ, chính sách chăm lo người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền; bảo đảm an sinh xã hội, tiến bộ, công bằng xã hội, đặc biệt là đối với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, người có thu nhập thấp, đối tượng yếu thế.

đ) Thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em; bình đẳng giới; nâng cao chất lượng sống mọi mặt của nhân dân, bảo đảm hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của “hạnh phúc”.

6. Về bảo vệ môi trường

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế xã hội và công dân nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng các khu xử lý chất thải tập trung; đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường. Cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường nước, không khí: quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ; kiểm soát chặt chẽ các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước dưới đất trong hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất; kiểm soát tác động từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường nước dưới đất.

c) Triển khai các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao. Chú trọng phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách ; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp ngân sách gắn với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng vốn; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những dự án phát huy hiệu quả lớn, lan tỏa cao; nâng cao tỷ lệ giải ngân gắn với chất lượng công trình và hoàn thành đúng tiến độ các dự án làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo phương châm "*Lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*". Ban hành và thực hiện quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi theo nguyên tắc ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống ngân sách địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp đồng bộ với các quy định giám sát, kiểm tra sau phân cấp. Dành tối đa mọi nguồn lực để ưu tiên bố trí vốn cho đầu tư phát triển, theo hướng tăng dần tỉ trọng chi đầu tư, giảm dần tỉ trọng chi thường xuyên.

b) Tăng tỷ trọng các nguồn thu ngân sách bền vững; tăng cường giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế; triển khai rộng rãi hóa đơn điện tử; tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách, đảm bảo công bằng và minh bạch đối với các thành phần kinh tế,... Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả; đồng thời, khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và huy động nguồn lực từ tài chính đất đai (thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất).

c) Căn cứ nguồn vốn ngân sách Trung ương giao và khả năng cân đối ngân

sách của địa phương để triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bảo đảm hoàn thành các chương trình, dự án; đặc biệt là các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch. Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, trong đó ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ. Quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và rà soát, cập nhật, triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung quy hoạch, xây dựng trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Công bố, tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Quán triệt và phân công nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc tới từng phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường, thị trấn; phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân để phấn đấu thực hiện các mục tiêu đã được ban hành tại Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách, giải pháp thuộc lĩnh vực quản lý để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định

chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực hoặc trên địa bàn phù hợp với các Quy hoạch/Kế hoạch thực hiện Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng; phù hợp với Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 cũng như điều kiện thực tiễn phát triển của tỉnh Vĩnh Phúc.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

e) Định kỳ báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ thông qua Sở Tài chính tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương chủ động rà soát, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành./.

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TỈNH VĨNH PHÚC
TRONG KỲ QUY HOẠCH

*Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20/3/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh*

STT	Tên chương trình, Đề án	Cấp phê duyệt	Thời gian trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Ghi chú
1	Đề án phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2026-2030	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	
2	Đề án phát triển công nghiệp theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đến năm 2030	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	
3	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	
4	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	
5	Đề án tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	
6	Đề án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích khảo cổ Đông Đậu	UBND tỉnh Vĩnh Phúc		
7	Chương trình phát triển đô thị (loại IV) Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Tam Đảo	UBND tỉnh Vĩnh Phúc		
8	Chương trình phát triển đô thị Phúc Yên	UBND tỉnh Vĩnh Phúc		
9	Đề án Cải thiện hệ thống thoát nước đô thị theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu cho thành phố Phúc Yên giai đoạn đến năm 2030	UBND tỉnh Vĩnh Phúc		
10	Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Vĩnh Phúc	Quốc hội		
11	Điều chỉnh tổng thể hoặc lập mới quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2040, tầm nhìn 2050	Thủ tướng Chính phủ	Năm 2025	

STT	Tên chương trình, Đề án	Cấp phê duyệt	Thời gian trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Ghi chú
12	Quy hoạch Khu du lịch quốc gia Tam Đảo	Thủ tướng Chính phủ	Năm 2025	
13	Đề án xây dựng Hồ sơ đề nghị UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đối với Tín ngưỡng thờ Mẫu Tây Thiên.	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	
14	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Tây Thiên - Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	Thủ tướng Chính phủ	Năm 2025	
15	Đề án Khu di tích danh thắng Tây Thiên - Đền thờ Quốc mẫu Lăng Thị Tiêu là di sản văn hóa thế giới trình UNESCO công nhận	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	
16	Đề án phát triển Vĩnh Phúc trở thành trung tâm logistics trong vùng	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Năm 2025	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỈNH VINH PHÚC
TRONG KỲ QUY HOẠCH

*Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20/3/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh*

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
I	Giao thông vận tải					
1	Cải tạo, mở rộng quốc lộ 2 đoạn Vĩnh Yên - Việt Trì	x	x	x		
2	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường trục Bắc - Nam (đoạn từ cầu Vân Phúc, huyện Yên Lạc đến thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo)					
-	<i>Đường trục Bắc - Nam đô thị Vĩnh Phúc đoạn quốc lộ 2A tránh thành phố Vĩnh Yên đến đường Vành đai 3</i>	x		x		
-	<i>Nâng cấp, mở rộng đường trục Bắc - Nam đô thị Vĩnh Phúc, đoạn từ đường Vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên đến thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo</i>		x	x		
3	Xây dựng đường vành đai 5 thủ đô đoạn từ cầu Vĩnh Thịnh đến nút giao IC5 (gồm cả đường gom 2 bên)		x	x		x
4	Đường vành đai 5 đoạn từ hồ Vân Trục đến đê tả sông Lô	x	x	x		

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
5	Đường vành đai 4 đoạn từ huyện Bình Xuyên đến huyện Vĩnh Tường (giai đoạn 2)	x	x	x		
6	Đường vành đai 4 theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải đoạn từ quốc lộ 2 đi đường tỉnh 305	x	x	x		
7	Đường vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên, đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến quốc lộ 2 (bao gồm cả cầu vượt đường sắt)	x	x	x		
8	Xây dựng mới, nâng cấp tuyến đường tỉnh 310			x		
-	<i>Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 310C đoạn từ quốc lộ 2C đến quốc lộ 2B</i>	<i>x</i>		<i>x</i>		
-	<i>Xây dựng đường tỉnh 310 kéo dài (tuyến tránh quốc lộ 2C)</i>		<i>x</i>	<i>x</i>		
9	Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường sắt Hà Nội - Lào Cai (nhằm tăng cường liên kết trục Đông - Tây hướng tâm)					
-	<i>Đường gom hai bên đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía Bắc và tuyến phía Nam), các đoạn còn lại kết nối từ Vĩnh Yên đến cầu Hạc Trì</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>x</i>		
-	<i>Đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía bắc) đoạn từ</i>	<i>x</i>		<i>x</i>		

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
	<i>quốc lộ 2C đến đường Hợp Thịnh - Đạo Tú</i>					
-	<i>Đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía bắc) đoạn từ đường tỉnh 310B (Cảng cạn ICD) đến quốc lộ 2 Phúc Yên</i>	x	x	x		
10	Xây dựng đường trục Đông - Tây đô thị Vĩnh Phúc, đoạn từ Tân Phong đi Trung Nguyên (đường tỉnh 303C)	x		x		
11	Mở rộng đường trục trung tâm Khu đô thị mới Mê Linh	x	x	x		
12	Xây dựng mới đường trục trung tâm Mê Linh kéo dài kết nối hồ Đại Lải		x	x		
13	Xây dựng tuyến giao thông kết nối đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc	x	x	x		
14	Xây dựng tuyến đường dẫn và cầu Hải Lựu		x	x		x
15	Xây dựng đường tỉnh 310D		x	x		
16	Xây dựng cầu Vĩnh Phú qua sông Lô kết nối hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ	x		x		
17	Xây dựng nút giao IC2 và nút giao IC5 Cao tốc Nội Bài - Lào Cai		x	x		x
18	Bến xe khách kiêm bãi đỗ xe Phúc Yên		x	x		x

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
19	Xây dựng các cảng thủy quốc gia (cảng Cam Giá, cảng Vĩnh Thịnh, cảng An Tường, cảng Như Thụy, cảng Đức Bắc)		x		x	
20	Xây dựng các cảng thủy địa phương (cảng Hải Lựu, cảng Sơn Đông, cảng Cao Phong, cảng Cao Đại, cảng Trung Hà, cảng Việt Xuân)		x		x	
21	Trục đường giao thông song song kênh Bến Tre		x	x		
II	Công nghiệp, năng lượng					
1	Các dự án đầu tư phát triển công nghiệp điện tử tại vùng công nghiệp động lực, các huyện, thành phố bám dọc theo trục đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai và trục đường Vành đai 4 của tỉnh	x	x		x	
2	Các dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến trong nông nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng (<i>Vật liệu mới, chất lượng cao, thân thiện môi trường</i>) tại vùng công nghiệp phụ trợ thuộc các huyện, thành phố bám dọc theo trục đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai và trục đường Vành đai 4 của tỉnh và đường tỉnh 310	x	x		x	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	x	x		x	
4	Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào các cụm công nghiệp phát triển mới	x	x		x	
5	Xây dựng hệ thống hạ tầng truyền tải và phân phối điện đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	x	x		x	
III	Đô thị - Thương mại					
1	Các dự án đầu tư xây dựng các đô thị, trung tâm thương mại đa năng, siêu thị, trung tâm vui chơi giải trí, mua sắm... tập trung tại các thành phố và trung tâm các huyện	x	x		x	
2	Các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực hồ Sáu Vó huyện Bình Xuyên, xã Ngọc Thanh thành phố Phúc Yên, huyện Tam Đảo, huyện Lập Thạch,...	x	x		x	
3	Các dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội phục vụ cho công nhân lao động trong các Khu công nghiệp	x	x		x	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Các dự án đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm trưng bày sản phẩm tại huyện Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc	x	x		x	
5	Phát triển hệ thống cảng cạn Hương Canh, Lập Thạch và Cam Giá	x	x		x	
6	Các dự án đô thị Đại học tại Tam Dương, Vĩnh Yên		x	x	x	
7	Dự án cấp nước sạch Tam Đảo		x	x	x	
IV	Văn hóa - Thể thao - Du lịch					
1	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử- văn hóa, di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh	x	x	x	x	
2	Khu liên hợp thể thao tỉnh Vĩnh Phúc		x	x		
3	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch, các thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh	x	x	x		
4	Các dự án đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, vui chơi giải trí... ở các huyện, thành phố và sân gôn như : Đại Đình, Bàn Long, Đồng Nhập, Bến Tắm, Đồng Mỏ (Tam Đảo), khu vực Bắc Ngọc Thanh, Lập Đình (Phúc Yên), Gia Khau, Mỹ Khê (Bình Xuyên), Vân Trục (Lập Thạch), Bồ Lạc (Sông	x	x		x	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
	Lô), Liên Châu (Yên Lạc), Vĩnh Thịnh (Vĩnh Tường).					
5	Các dự án du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, sân gôn ven chân núi Tam Đảo, hồ Vân Trục, hồ Bò Lạc, Suối Sỏi, Thác Bay,...	X	X		X	
6	Các dự án tổ hợp khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, sân gôn, dịch vụ vui chơi giải trí, chăm sóc y tế, sức khỏe tại xã Ngọc Thanh và các khu vực lân cận	X	X		X	
7	Các dự án du lịch khám phá, du lịch văn hóa, kết hợp vui chơi giải trí, sinh thái, nghỉ dưỡng Tây Thiên	X	X		X	
8	Các dự án tổ hợp du lịch dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng vui chơi tại khu vực Đầm Rung, Đầm Vạc, Tam Đảo 1, Tam Đảo 2...	X	X		X	
9	Đường dạo quanh hồ Đầm Vạc	X	X	X		
V	Khoa học, Công nghệ, Thông tin truyền thông					
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ, các khu thực nghiệm ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật	X	X	X		

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Xây dựng Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Phúc		X	X		
3	Phát triển các trạm phát sóng 5G và hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) - hạ tầng nền tảng số và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số (trong đó có các dự án phục vụ chuyển đổi số; trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) Vĩnh Phúc,...)	X	X	X	X	
4	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình,...	X	X	X		
VI	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và Thủy lợi					
1	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước lớn phục vụ đa mục đích (thủy lợi và phát triển du lịch)	X	X	X		
2	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, kênh mương, luồng tiêu, trạm bơm,...	X	X	X		
3	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình phục vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản	X	X	X		

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng tập trung; các dự án nông, lâm nghiệp và thủy sản liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ;... tại các huyện, thành phố	x	x		x	
VII	Môi trường					
1	Dự án bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Tam Đảo	x	x			
2	Các dự án bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn gen bản địa quý hiếm có giá trị; dự án ngăn ngừa và diệt trừ sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại; dự án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái	x	x			
3	Xây dựng các nhà máy, hệ thống thu gom/xử lý nước thải, rác thải, chất thải rắn	x	x	x	x	
4	Xây dựng các nghĩa trang tập trung, nhà tang lễ tại các huyện, thành phố	x	x	x		
5	Xây dựng hệ thống các trạm, điểm quan trắc môi trường	x	x			
6	Xây dựng công viên nghĩa trang	x	x		x	

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng		
		2021-2025	2026-2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách	Vốn hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác
VIII	Giáo dục đào tạo, lao động thương binh xã hội và y tế					
1	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn tỉnh	x	x	x		
2	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở dạy nghề, phát triển đào tạo nghề, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh	x	x	x		
3	Xây dựng mới Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh		x	x		
4	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho các bệnh viện tuyến tỉnh, các cơ sở y tế tuyến tỉnh, các cơ sở y tế tuyến huyện, các trạm y tế tuyến xã	x	x	x		x
5	Khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng trường học các cấp, các trung tâm trải nghiệm giáo dục, các cơ sở y tế tư nhân, các cơ sở trợ giúp xã hội, các viện dưỡng lão, bệnh viện, khu chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế...	x	x		x	

Ghi chú :

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất chuyên ngành của địa phương... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.